

Bài tập	Câu	Đáp án
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	1. 你叫____名字?	什么
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	2. 我____越南人。	是
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	3. 你是老师____?	吗
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	4. 你是____国人?	哪
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	5. 我____是中国人。	不
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	6. 我是学生, 你____?	呢